

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 23-11-2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Đăng Ninh.

2. Bà Trịnh Thị Yến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Ngô Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Mai Thị P, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2022, bản tự khai ngày 12/8/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngô Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Mai Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02/02/2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, quan điểm sống của vợ chồng hoàn toàn trái ngược nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân kể từ tháng 5/2022 đến nay, trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn chị P.

Về con: Vợ chồng có hai con chung là Ngô Minh K sinh ngày 18/7/2012 và Ngô Phúc T sinh ngày 02/9/2016. Hiện tại các cháu đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Phúc T, còn chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngô Minh K, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì chung nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/8/2022, bị đơn Mai Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng chị kết hôn vào ngày 02/02/2009 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng tuy chưa sống ly thân nhưng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn anh T.

Về con: Vợ chồng có hai con chung là Ngô Minh K sinh ngày 18/7/2012 và Ngô Phúc T sinh ngày 02/9/2016. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngô Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và tự nguyện để cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một cháu là 1.500.000 đồng, hai cháu là 3.000.000 đồng, còn chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được đoàn tụ vì chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, chị muốn cho các con có cả bố và mẹ, nếu phải ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng một cháu là 2.500.000 đồng, hai cháu là 5.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); những người tham gia tố tụng: các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn T, cho anh T được ly hôn chị Mai Thị P; về con: giao hai cháu Ngô Minh K, sinh ngày 18/7/2012 và Ngô Phúc T, sinh ngày 02/9/2016 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**\* Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:**

Anh Ngô Văn T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Mai Thị P. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**\* Về nội dung giải quyết:**

[1] Về hôn nhân: Anh Ngô Văn T và chị Mai Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Theo anh T trình bày thì vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2022, còn theo chị P trình bày thì tuy vợ chồng chưa sống ly thân nhưng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Mặc dù tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị P tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành, để các con có cả bố và mẹ, nhưng anh T vẫn cương quyết xin ly hôn, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bản thân chị P mong muốn được đoàn tụ nhưng cũng không có động thái gì để níu kéo hạnh phúc gia đình. Do đó, HĐXX nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T được ly hôn chị P là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con: Vợ chồng có hai con chung là Ngô Minh K sinh ngày 18/7/2012 và Ngô Phúc T sinh ngày 02/9/2016. Tại phiên tòa, anh T chấp nhận giao cả hai con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy hiện nay cả hai cháu đều đang ở với mẹ, nguyện vọng của cháu K là được ở với mẹ, nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của anh T, giao cả hai con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Về mức cấp dưỡng, do anh T là lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên HĐXX chấp nhận đề nghị của anh T về mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng một cháu là 1.500.000 đồng, hai cháu là 3.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản: Anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, còn chị P trình bày vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Văn T, cho anh T được ly hôn chị Mai Thị P.

2. Về con: Giao hai cháu Ngô Minh K sinh ngày 18/7/2012 và Ngô Phúc T sinh ngày 02/9/2016 cho chị Mai Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ngô Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng một cháu là 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng), hai cháu là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 12/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Ngô Văn T phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2021/0015023 ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, anh T còn phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Nam Tiến**